CTCP Đầu tư và Xây dựng số 4 (UPCOM: CC4)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	10,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.5%	**-30.7%**	**-35.0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,300 - 19,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	666
Số lượng CPLH (CP)	64,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.67
EPS	511
P/E	20.4

Tỷ suất lợi nhuận

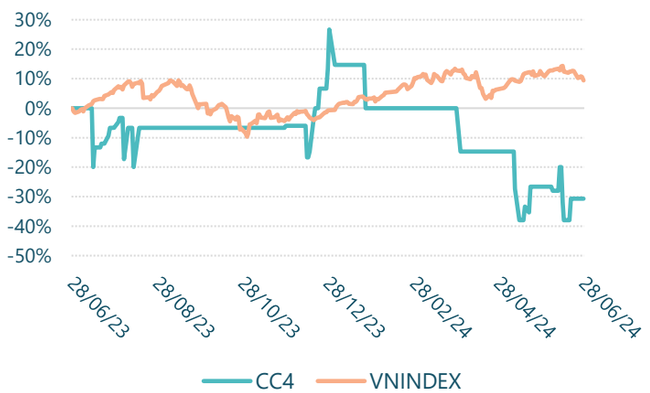

Doanh thu thuần

Q2/24

231

tỷ VNĐ

QoQ: ▼60.0 | -20.4%

YoY: ▼181 | -43.8%

Nợ/VCSH

Q2/24

74.7%

YoY: +/-▲ 3.6%

LN gộp

Q2/24

26.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.10 | 23.5%

YoY: ▲ 0.60 | 2.4%

ROE (TTM)

Q2/24

3.8%

YoY: +/-▼ 0.0%

LN trước thuế

Q2/24

21.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.3 | 93.9%

YoY: ▲ 2.80 | 15.3%

ROA (TTM)

Q2/24

2.1%

YoY: +/-▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q2/24

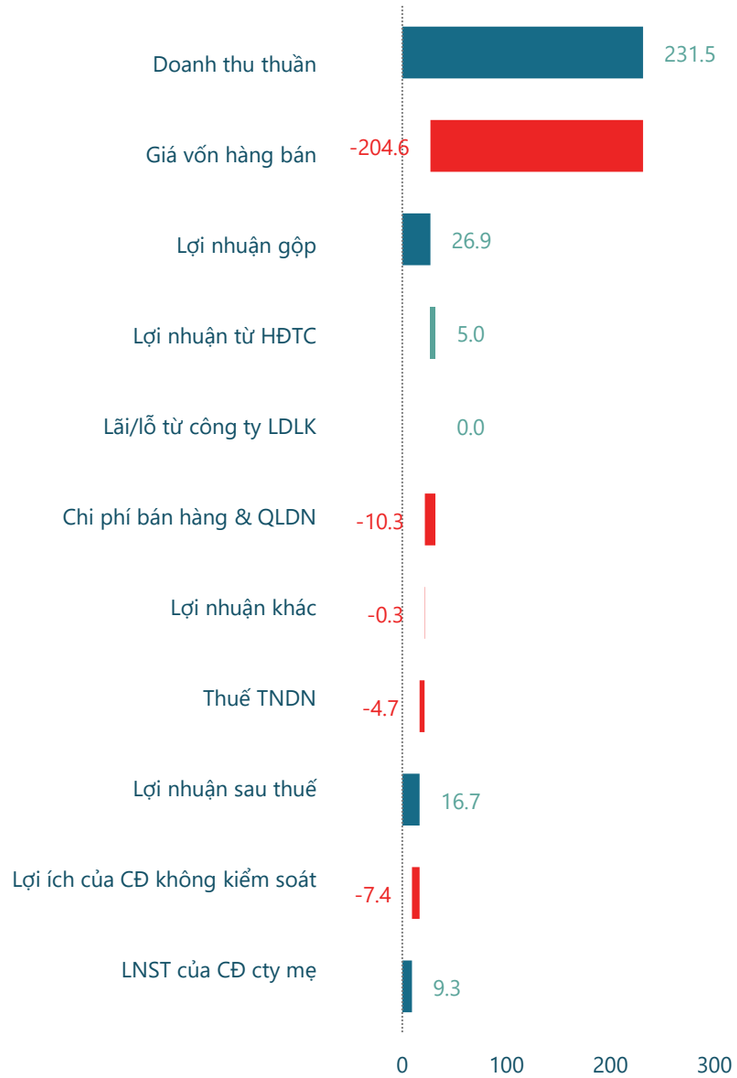

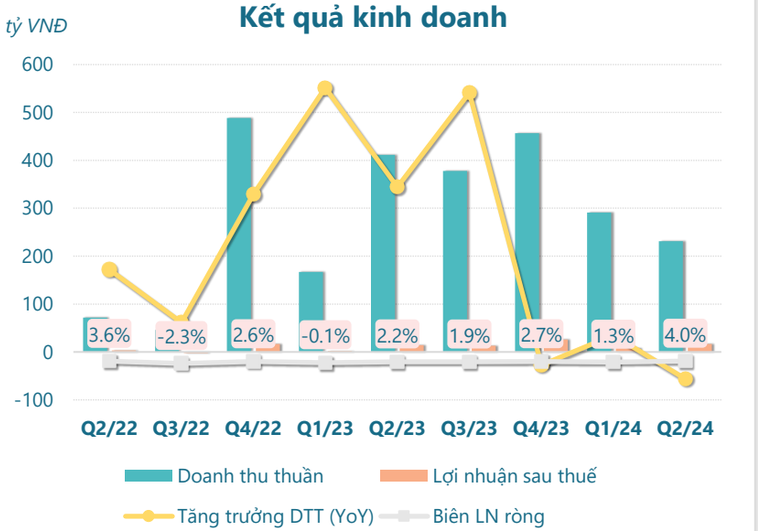

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 21.65 tỷ đồng**, tăng thêm 97.5% so với kỳ trước và cao hơn 15.5% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 5.05 tỷ đồng**, tăng thêm 5.35 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 174% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.32 tỷ đồng** giảm đi 1167% so với kỳ trước và giảm đi 0.07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

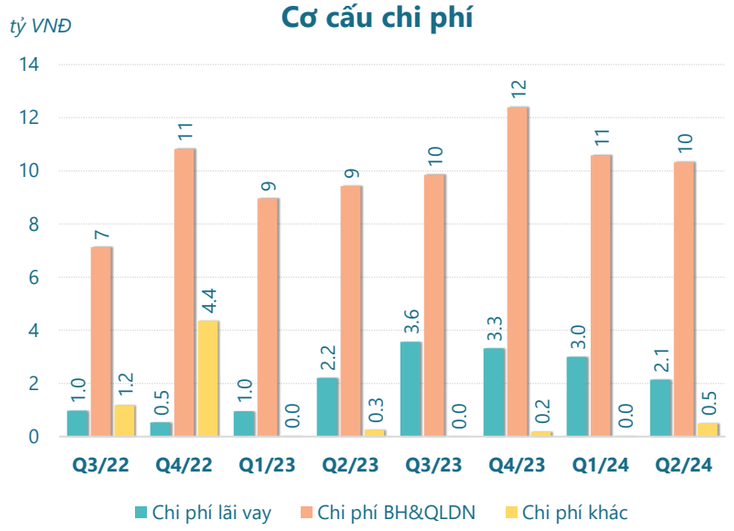

Kết quả kinh doanh của **CC4** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **231.5 tỷ đồng** giảm đi **43.8%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 16.65 tỷ đồng**, **tăng trưởng 14.2%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **522.0 tỷ đồng** thấp hơn 9.84% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 25.00 tỷ đồng** cao hơn 47.1% so với cùng kỳ năm trước.

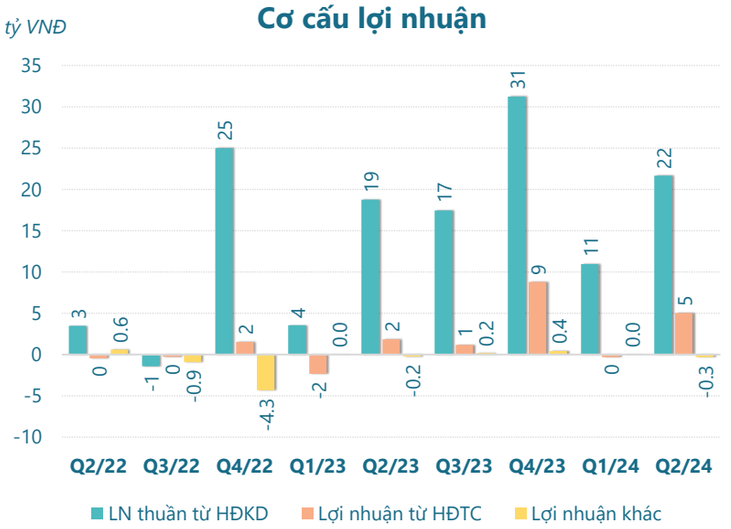

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.14 tỷ đồng** giảm đi 28.7% so với kỳ trước và thấp hơn 3.17% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **10.33 tỷ đồng** giảm đi 2.36% so với kỳ trước và cao hơn 9.54% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.50 tỷ đồng** tăng thêm 1567% so với kỳ trước và cao hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Đầu tư và Xây dựng số 4 (UPCOM: CC4)

FireAnt
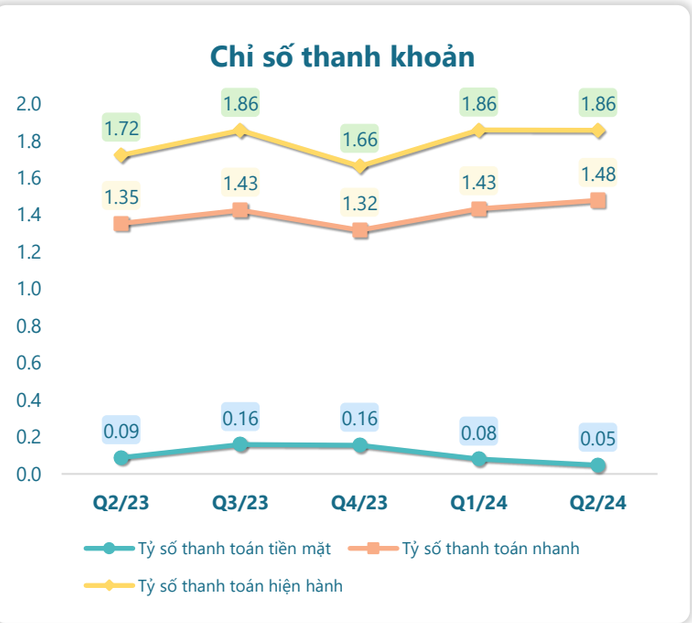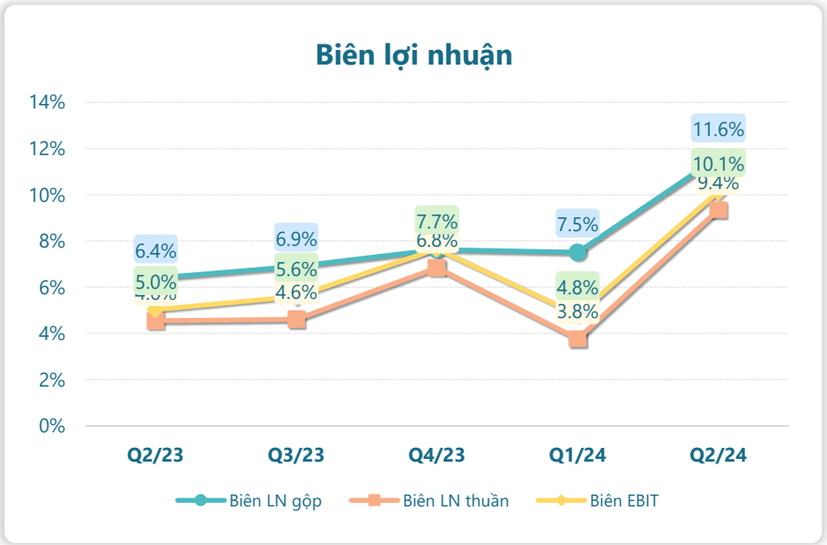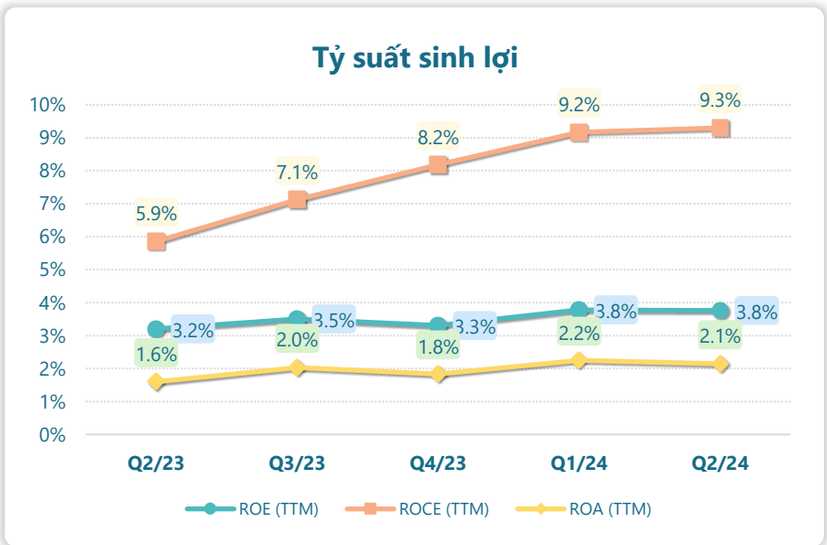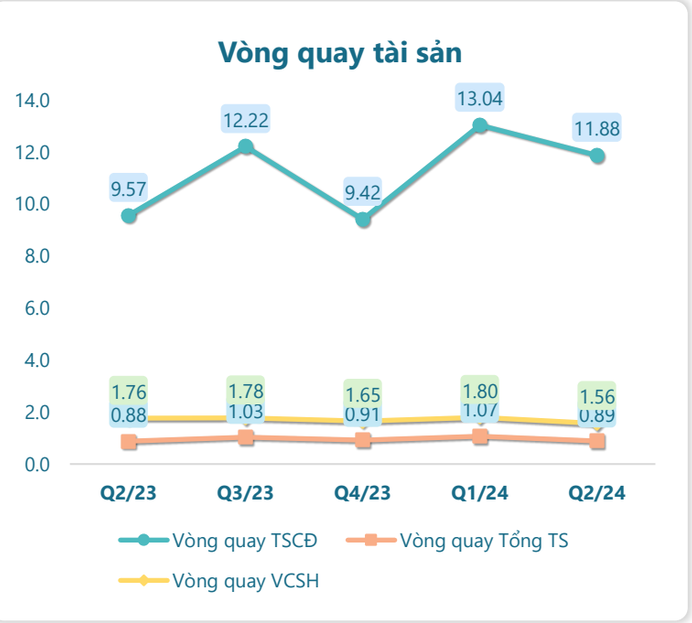
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**231**	**291**	**-20.4%**	**412**	**-43.8%**	**522**	**579**	**-9.7%**
Giá vốn hàng bán	205	269	-24.0%	385	-46.9%	474	538	-11.9%
Lợi nhuận gộp	26.9	21.8	23.5%	26.3	2.4%	48.8	41.2	18.5%
Doanh thu HĐTC	6.98	3.32	110%	4.05	72.4%	10.3	7.95	29.6%
Chi phí TC	1.94	3.62	-46.5%	2.21	-12.4%	5.55	8.44	-34.2%
Chi phí lãi vay	2.14	3.00	-28.5%	2.21	-3.0%	5.14	3.16	62.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.25	0.00		0.00		0.25	0	
Chi phí QLDN	**10.1**	**10.6**	**-4.9%**	**9.43**	**6.9%**	**20.7**	**18.4**	**12.4%**
LN thuần từ HĐKD	21.6	11.0	96.8%	18.7	15.8%	32.6	22.3	46.2%
Lợi nhuận khác	**-0.32**	**0.03**	**-1167%**	**-0.25**	**-28.0%**	**-0.29**	**-0.25**	**-17.4%**
LN trước thuế	21.3	11.0	93.9%	18.5	15.3%	32.3	22.1	46.6%
Lợi nhuận sau thuế	**16.7**	**8.33**	**99.9%**	**14.6**	**14.1%**	**25.0**	**16.8**	**49.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.27**	**3.87**	**139%**	**8.91**	**4.0%**	**13.1**	**8.79**	**49.5%**